BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C103

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00481**	1710020857	Phan Thị Kiều	Oanh	20/09/1999	CĐKDXK21B5	
2	**00482**	1710030479	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	30/12/1999	CĐMATM21D	
3	**00483**	1710010292	Nghiêm Hoàng	Oanh	20/02/1999	CĐKTDN21F	
4	**00484**	1710050187	Trần Thị Kim	Oanh	15/02/1999	CĐTATM21P	
5	**00485**	1710021153	Bùi Thị Kiều	Oanh	11/11/1998	CĐKDXK21C2	
6	**00486**	1710030714	Lê Thị Kim	Oanh	08/12/1998	CĐQTDN21G	
7	**00487**	1710021055	Phan Thị Minh	Oanh	26/06/1999	CĐKDXK21A5	
8	**00488**	1710030749	Hà Thị Phi	Phây	04/09/1999	CĐTCDN21B	
9	**00489**	1710010185	Châu Ngọc	Phen	10/01/1999	CĐKTDN21I	
10	**00490**	1710030071	Phạm Tấn	Phú	22/11/1999	CĐKDXK21F	
11	**00491**	1710051184	Trần Thị Hồng	Phú	25/12/1999	CĐTATM21M	
12	**00492**	1710031070	Võ Phạm Trường	Phúc	13/10/1999	CĐQTDN21B	
13	**00493**	1710021383	Bùi Nguyễn Hoàng	Phúc	23/04/1999	CĐKDXK21E3	
14	**00494**	1710020466	Lương Thị Long	Phụng	16/04/1999	CĐKDXK21D5	
15	**00495**	1710020431	Trần Hữu	Phước	26/11/1999	CĐKDXK21C1	
16	**00496**	1710021364	Huỳnh Trần	Phước	16/10/1999	CĐKDXK21A2	
17	**00497**	1710030919	Trần Hoài	Phương	05/01/1999	CĐQTDN21D	
18	**00498**	1710030312	Phạm Trần Hà	Phương	13/07/1999	CĐQTDN21B	
19	**00499**	1710020852	Lê Thị Kiều	Phương	12/02/1999	CĐKDXK21E1	
20	**00500**	1710020515	Đỗ Hoàng Như	Phương	30/07/1999	CĐKDXK21D5	
21	**00501**	1710051173	Phan Thị Hồng	Phương	05/11/1999	CĐTATM21Q	
22	**00502**	1710010311	Huỳnh Trần Uyên	Phương	17/05/1999	CĐKTDN21G	
23	**00503**	1710021444	Lê Thị Tuyết	Phương	29/11/1999	CĐKDXK21D2	
24	**00504**	1710020964	Huỳnh Thị Thảo	Phương	08/02/1999	CĐLOGT21F	
25	**00505**	1710040023	Võ Thị	Phương	01/06/1999	CĐTCDN21B	
26	**00506**	1710020950	Hoàng Thị Thắm	Phương	09/04/1999	CĐKDXK21E4	
27	**00507**	1710030305	Trần Kim	Phương	30/12/1999	CĐQTDN21F	
28	**00508**	1710020829	Hồ Thị Xuân	Phương	19/11/1999	CĐKDXK21E1	
29	**00509**	1710020815	Đặng Thị Mỹ	Phương	06/01/1999	CĐKDXK21D6	
30	**00510**	1710030128	Nguyễn Ái	Phương	08/12/1999	CĐQTDN21A	
31	**00511**	1710031110	Võ Thị Thu	Phương	28/05/1999	CĐQTKS21A	
32	**00512**	1710030244	Ung Trần Hoài	Phương	28/11/1999	CĐMATM21B	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C202

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00513**	1710020436	Nguyễn Thị	Phượng	26/09/1998	CĐKDXK21E3	
2	**00514**	1710010198	Phạm Thị Bích	Phượng	14/06/1999	CĐKTDN21I	
3	**00515**	1710010079	Nguyễn Thị	Phượng	30/12/1999	CĐKTDN21B	
4	**00516**	1710020455	Trần Kim	Phượng	22/08/1999	CĐKDXK21C1	
5	**00517**	1710030114	Tô Thanh	Quang	12/09/1999	CĐTMĐT21A	
6	**00518**	1710031015	Hà Thiện	Quang	30/09/1999	CĐQTDN21H	
7	**00519**	1710010397	Nguyễn Thị Kim	Quyên	19/09/1999	CĐKTDN21H	
8	**00520**	1710020963	Trần Thị Kim	Quyên	02/02/1999	CĐKDXK21A5	
9	**00521**	1710030710	Đỗ Thị Thảo	Quyên	11/07/1999	CĐQTDN21G	
10	**00522**	1710030195	Trần Thị Kim	Quyên	17/10/1999	CĐQTDN21F	
11	**00523**	1710040004	Phan Thị Thuý	Quyền	28/01/1999	CĐTCDN21A	
12	**00524**	1710030279	Phạm Như	Quỳnh	29/01/1999	CĐMATM21B	
13	**00525**	1710030206	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	29/06/1999	CĐQTKS21B	
14	**00526**	1710040008	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	01/06/1999	CĐTCDN21B	
15	**00527**	1710030992	Nguyễn Thị	Quỳnh	07/05/1999	CĐQTDN21B	
16	**00528**	1710020507	Nguyễn Lê Thúy	Quỳnh	15/02/1998	CĐKDXK21F	
17	**00529**	1710030954	Lê Thị Thúy	Quỳnh	28/04/1999	CĐMATM21F	
18	**00530**	1710030142	Lê Thị Như	Quỳnh	10/02/1999	CĐQTKS21A	
19	**00531**	1710010407	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	18/08/1999	CĐKTDN21D	
20	**00532**	1710051152	Lê Thị San	San	22/06/1999	CĐTATM21M	
21	**00533**	1710031006	Nguyễn Thanh	Sang	06/07/1999	CĐMATM21D	
22	**00534**	1710021188	Nguyễn Sỹ	Sơn	01/09/1999	CĐKDXK21E4	
23	**00535**	1710030896	Đặng Thị Diễm	Sương	21/07/1999	CĐQTDN21D	
24	**00536**	1710030503	Nguyễn Thị Thùy	Sương	04/03/1999	CĐQTDN21C	
25	**00537**	1710020470	Trần Văn	Tài	11/06/1999	CĐKDXK21D5	
26	**00538**	1710020517	Nguyễn Minh	Tài	28/01/1999	CĐKDXK21E1	
27	**00539**	1710030388	Phạm Phương	Tâm	14/04/1999	CĐQTDN21C	
28	**00540**	1710030807	Võ Thanh	Tâm	30/08/1999	CĐQTDN21G	
29	**00541**	1710060012	Trương Thị Thanh	Tâm	07/09/1999	CĐTHQL21A	
30	**00542**	1710030274	Phùng Thị	Tâm	01/07/1999	CĐMATM21I	
31	**00543**	1710030857	Lê Bá	Tân	01/09/1999	CĐQTDN21H	
32	**00544**	1710021421	Nguyễn Hữu	Thạch	05/10/1999	CĐKDXK21D3	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C203

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00545**	1710030446	Dương Thị Minh	Thái	29/11/1999	CĐMATM21H	
2	**00546**	1710020716	Nguyễn Hoàng	Thái	13/01/1999	CĐKDXK21D6	
3	**00547**	1710021566	Lê Thị	Thắm	27/02/1999	CĐKDXK21D4	
4	**00548**	1710050126	Ka	Thẩm	19/05/1999	CĐTATM21C	
5	**00549**	1710020613	Đoàn Thị Xuân	Thanh	19/08/1999	CĐKDXK21C5	
6	**00550**	1710030816	Đỗ Minh	Thanh	27/02/1999	CĐQTDN21H	
7	**00551**	1710021532	Nguyễn Thị Kim	Thanh	07/08/1998	CĐKDXK21B2	
8	**00552**	1710030547	Võ Thị Thanh	Thanh	08/03/1999	CĐQTDN21D	
9	**00553**	1710030180	Nguyễn Thị Kim	Thanh	02/01/1999	CĐMATM21H	
10	**00554**	1710030695	Trần Thị Mỹ	Thành	17/08/1999	CĐQTDN21E	
11	**00555**	1710021328	Bùi Minh	Thao	20/04/1999	CĐKDXK21E4	
12	**00556**	1710030728	Nguyễn Nhật	Thảo	24/04/1999	CĐQTDN21E	
13	**00557**	1710050988	Vòng Nhật	Thảo	01/10/1997	CĐTATM21I	
14	**00558**	1710020870	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/04/1999	CĐKDXK21E1	
15	**00559**	1710030811	Nguyễn Tống Diệu	Thảo	19/11/1999	CĐMATM21F	
16	**00560**	1710030216	Phạm Thị Thu	Thảo	02/03/1999	CĐQTKS21B	
17	**00561**	1710020999	Ngô Thị	Thảo	17/03/1999	CĐKDXK21E2	
18	**00562**	1710021071	Nguyễn Thị	Thảo	15/03/1999	CĐLOGT21F	
19	**00563**	1710050053	Hoàng Phúc Minh	Thảo	18/05/1999	CĐTATM21P	
20	**00564**	1710010200	Trần Lê Thanh	Thảo	19/08/1999	CĐKTDN21D	
21	**00565**	1710010365	Đặng Ngọc Phương	Thảo	30/01/1999	CĐKTDN21H	
22	**00566**	1710030893	Nguyễn Phương Thanh	Thảo	07/02/1999	CĐQTDN21H	
23	**00567**	1710021551	Vũ Thị Thu	Thảo	01/01/1999	CĐKDXK21B2	
24	**00568**	1710021003	Trương Thị Như	Thảo	23/10/1999	CĐKDXK21E2	
25	**00569**	1710031045	Trần Ngọc Hương	Thảo	31/07/1997	CĐMATM21I	
26	**00570**	1710021437	Dương Ngọc	Thi	15/05/1999	CĐKDXK21A3	
27	**00571**	1710030584	Mai Nguyễn Trang	Thi	17/11/1999	CĐMATM21D	
28	**00572**	1710030560	Cao Thị	Thi	02/12/1999	CĐQTKS21D	
29	**00573**	1710021434	Nguyễn Đình	Thi	05/10/1999	CĐKDXK21D3	
30	**00574**	1710020992	Đỗ Thị Kim	Thì	18/08/1999	CĐKDXK21A5	
31	**00575**	1710010257	Lê Thị Thanh	Thiên	05/01/1999	CĐKTDN21F	
32	**00576**	1710030116	Nguyễn Minh	Thiên	20/01/1999	CĐQTDN21F	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C302

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00577**	1710050232	Thái Thị Thu	Thiên	31/05/1999	CĐTATM21E	
2	**00578**	1710010424	Nguyễn Thị Mỹ	Thiện	26/03/1999	CĐKTDN21I	
3	**00579**	1710010006	Lại Khắc	Thiện	22/09/1999	CĐKTDN21A	
4	**00580**	1710021220	Ngô Hoài	Thơ	24/10/1999	CĐKDXK21E4	
5	**00581**	1710050009	Lê Thảo Nguyên	Thơ	16/11/1999	CĐTATM21A	
6	**00582**	1710010059	Lê Huỳnh Kim	Thoa	20/09/1999	CĐKTDN21B	
7	**00583**	1710030602	Nguyễn Đức	Thông	16/12/1998	CĐQTDN21G	
8	**00584**	1710021148	Bùi Thị	Thu	14/10/1999	CĐKDXK21E2	
9	**00585**	1710031036	Nguyễn Thị Hoài	Thu	18/08/1999	CĐMATM21I	
10	**00586**	1710020336	Nguyễn Thị	Thu	15/08/1999	CĐKDXK21D3	
11	**00587**	1710021589	Phan Thị	Thu	02/10/1999	CĐKDXK21D5	
12	**00588**	1710021349	Nguyễn Thị Hoài	Thu	10/09/1999	CĐLOGT21F	
13	**00589**	1710030449	Trần Thị Phượng	Thu	27/07/1999	CĐQTDN21C	
14	**00590**	1710050131	Nguyễn Mai Xuân	Thư	24/08/1998	CĐTATM21C	
15	**00591**	1710030150	Nguyễn Anh	Thư	13/11/1999	CĐQTDN21F	
16	**00592**	1710010422	Lê Thị Minh	Thư	12/06/1999	CĐKTDN21L	
17	**00593**	1710021261	Nguyễn Đăng Anh	Thư	21/03/1999	CĐKDXK21A4	
18	**00594**	1710020333	Phan Thị Anh	Thư	11/10/1999	CĐKDXK21D3	
19	**00595**	1710020008	Phạm Anh	Thư	16/09/1999	CĐKDXK21A1	
20	**00596**	1710051041	Phan Nhựt Anh	Thư	01/01/1999	CĐTATM21K	
21	**00597**	1710010282	Dương Ngọc	Thư	25/09/1999	CĐKTDN21F	
22	**00598**	1710020774	Nguyễn Anh	Thư	16/11/1999	CĐKDXK21D6	
23	**00599**	1710060017	Võ Thị Anh	Thư	15/09/1999	CĐTHQL21A	
24	**00600**	1710010080	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/09/1999	CĐKTDN21B	
25	**00601**	1710030444	Nguyễn Minh	Thư	19/08/1999	CĐMATM21H	
26	**00602**	1710030255	Nguyễn Anh	Thư	24/02/1999	CĐQTKS21F	
27	**00603**	1710021439	Đoàn Lê	Thư	01/01/1999	CĐKDXK21D3	
28	**00604**	1710020473	Hồ Thụy Anh	Thư	12/02/1999	CĐKDXK21D5	
29	**00605**	1710030163	Nguyễn Hiếu	Thuận	11/12/1999	CĐQTDN21A	
30	**00606**	1710010001	Nguyễn Thị Hoài	Thương	28/02/1999	CĐKTDN21A	
31	**00607**	1710030758	Ngô Thị Hoài	Thương	30/10/1999	CĐQTDN21G	
32	**00608**	1710050110	Lê Thị Mai	Thương	30/05/1999	CĐTATM21C	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C302_THI

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00609**	1710040007	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	15/02/1999	CĐTCDN21A	
2	**00610**	1710020826	Nguyễn Trương Kiều	Thương	27/10/1999	CĐKDXK21B5	
3	**00611**	1710021438	Phạm Minh	Thương	10/01/1999	CĐKDXK21D3	
4	**00612**	1710030668	Lê Phú	Thượng	14/10/1999	CĐQTKS21E	
5	**00613**	1710030215	Nguyễn Thị Cẩm	Thuý	27/05/1999	CĐMATM21G	
6	**00614**	1710010148	Nguyễn Thị	Thuý	28/11/1999	CĐKTDN21K	
7	**00615**	1710021293	Phạm Thị Thanh	Thuý	09/11/1999	CĐKDXK21A4	
8	**00616**	1710020643	Nguyễn Thị Thanh	Thuý	01/02/1999	CĐKDXK21C4	
9	**00617**	1710010204	Nguyễn Thị	Thuý	10/06/1999	CĐKTDN21L	
10	**00618**	1710010196	Nguyễn Thị	Thúy	02/10/1999	CĐKTDN21K	
11	**00619**	1710020983	Trần Thị Thanh	Thúy	28/09/1999	CĐKDXK21E4	
12	**00620**	1710010143	Trương Thị Thanh	Thúy	14/12/1999	CĐKTDN21C	
13	**00621**	1710030009	Nguyễn Ngọc	Thúy	30/10/1999	CĐQTKS21F	
14	**00622**	1710010208	Nguyễn Thụy Thanh	Thúy	10/08/1999	CĐKTDN21E	
15	**00623**	1710021113	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/01/1999	CĐKDXK21E2	
16	**00624**	1710021533	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	29/04/1999	CĐKDXK21D4	
17	**00625**	1710020491	Trần Thị Bích	Thùy	09/04/1999	CĐKDXK21D1	
18	**00626**	1710010005	Nguyễn Thị Thu	Thùy	21/08/1999	CĐKTDN21A	
19	**00627**	1710030883	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	23/11/1999	CĐMATM21I	
20	**00628**	1710050150	Phan Thị Thanh	Thủy	26/01/1999	CĐTATM21C	
21	**00629**	1710030600	Nguyễn Thị	Thủy	20/11/1999	CĐQTDN21D	
22	**00630**	1710020433	Trần Thị Bích	Thủy	30/06/1999	CĐKDXK21E3	
23	**00631**	1710030409	Võ Thị	Thủy	04/01/1999	CĐTATM21H	
24	**00632**	1710020354	Phạm Thị Thu	Thủy	17/12/1999	CĐKDXK21B1	
25	**00633**	1710021212	Đỗ Hồng	Thủy	06/08/1999	CĐKDXK21D2	
26	**00634**	1710010399	Nguyễn Nhật Bảo	Thy	21/09/1999	CĐKTDN21G	
27	**00635**	1710020512	Trần Ngọc Đan	Thy	02/06/1999	CĐKDXK21D1	
28	**00636**	1710021540	Nguyễn Phùng Thảo	Thy	08/11/1999	CĐKDXK21D4	
29	**00637**	1710030262	Hồ Á	Tiên	01/08/1999	CĐQTKS21B	
30	**00638**	1710021433	Nguyễn Dương Thủy	Tiên	06/11/1999	CĐKDXK21A3	
31	**00639**	1710010171	Lê Thị Thủy	Tiên	07/07/1999	CĐKTDN21D	
32	**00640**	1710010154	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	02/01/1999	CĐKTDN21K	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C303

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00641**	1710050189	Nguyễn Thị Kim	Tiên	04/10/1999	CĐTATM21D	
2	**00642**	1710020340	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	31/07/1999	CĐKDXK21A1	
3	**00643**	1710030302	Đỗ Thị Bích	Tiên	25/05/1999	CĐMATM21C	
4	**00644**	1710030359	Mai Thị	Tiên	06/02/1999	CĐQTDN21E	
5	**00645**	1710030357	Hồ Thị Ái	Tiên	01/02/1997	CĐQTDN21G	
6	**00646**	1710021142	Đoàn Thị Mỹ	Tiên	22/05/1999	CĐKDXK21E4	
7	**00647**	1710020415	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Tiên	12/01/1999	CĐKDXK21C1	
8	**00648**	1710030607	Võ Minh	Tiến	11/06/1999	CĐMATM21I	
9	**00649**	1710010182	Trần Đức	Tố	22/04/1999	CĐKTDN21D	
10	**00650**	1710051109	Đặng Thị Hương	Trà	11/11/1999	CĐTATM21L	
11	**00651**	1710021415	Trương Thị Thu	Trà	05/05/1999	CĐKDXK21D4	
12	**00652**	1710020497	Đào Thị Ngọc	Trâm	23/09/1999	CĐKDXK21E3	
13	**00653**	1710020369	Nguyễn Phạm Diệu	Trâm	20/02/1999	CĐKDXK21D4	
14	**00654**	1710010393	Trịnh Thị Thùy	Trâm	08/10/1999	CĐKTDN21L	
15	**00655**	1710030207	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12/08/1999	CĐKTDN21B	
16	**00656**	1710020797	Phạm Thị Nhật	Trâm	30/06/1999	CĐKDXK21D6	
17	**00657**	1710010359	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	17/12/1999	CĐMATM21I	
18	**00658**	1710051091	Trần Lê Bích	Trâm	06/09/1999	CĐLOGT21D	
19	**00659**	1710030704	Lê Thị Ngọc	Trâm	16/08/1999	CĐQTDN21E	
20	**00660**	1710021558	Phan Thị Hoa	Trâm	30/06/1999	CĐKDXK21B2	
21	**00661**	1710010152	Phạm Thảo	Trâm	25/02/1999	CĐKTDN21C	
22	**00662**	1710021029	Hứa Ngọc	Trâm	25/12/1999	CĐKDXK21E2	
23	**00663**	1710010012	Phạm Nguyễn Bích	Trâm	11/09/1999	CĐKTDN21I	
24	**00664**	1710021546	Trần Quế	Trầm	18/04/1999	CĐKDXK21B2	
25	**00665**	1710020867	Đào Thị Bảo	Trân	26/01/1999	CĐKDXK21E1	
26	**00666**	1710021560	Lương Ngọc	Trân	15/07/1999	CĐKDXK21B2	
27	**00667**	1710040011	Nguyễn Thụy Huyền	Trân	29/06/1998	CĐTCDN21B	
28	**00668**	1710051034	Nhan Bảo	Trân	23/04/1998	CĐTATM21I	
29	**00669**	1710010098	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	19/04/1999	CĐKTDN21B	
30	**00670**	1710030393	Huỳnh Thị Huyền	Trân	02/10/1999	CĐQTKS21G	
31	**00671**	1710050939	Trần Thị Diễm	Trân	15/11/1999	CĐTATM21H	
32	**00672**	1710010064	Phan Mỹ	Trân	02/04/1999	CĐKTDN21B	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C304

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00673**	1710030554	Chu Thị Huyền	Trang	11/05/1999	CĐQTKS21H	
2	**00674**	1710030826	Phạm Thị Thùy	Trang	16/09/1997	CĐQTDN21D	
3	**00675**	1710010076	Nguyễn Thị Diễm	Trang	16/02/1999	CĐKTDN21B	
4	**00676**	1710021376	Nguyễn Trần Phương	Trang	28/11/1999	CĐKDXK21A2	
5	**00677**	1710021636	Nguyễn Thị Huyền	Trang	30/11/1999	CĐKDXK21B3	
6	**00678**	1710051126	Nguyễn Hoàng Thu	Trang	11/10/1999	CĐTATM21L	
7	**00679**	1710021619	Lãnh Thị Thùy	Trang	27/02/1999	CĐKDXK21D5	
8	**00680**	1710020637	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/04/1999	CĐKDXK21C4	
9	**00681**	1710010434	Đặng Thị Thùy	Trang	20/06/1999	CĐKTDN21I	
10	**00682**	1710021121	Lê Thị Mỹ	Trang	12/09/1999	CĐKDXK21C2	
11	**00683**	1710010166	Trần Thị Mỹ	Trang	11/08/1999	CĐKTDN21K	
12	**00684**	1710020402	Nguyễn Thị Hoài	Trang	08/01/1999	CĐKDXK21B1	
13	**00685**	1710040059	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/06/1999	CĐTCDN21B	
14	**00686**	1710030856	Nguyễn Thị Thùy	Trang	06/02/1998	CĐMATM21I	
15	**00687**	1710010291	Phạm Thị Ngọc	Trang	05/06/1999	CĐKTDN21H	
16	**00688**	1710020447	Lê Thị Huyền	Trang	10/03/1999	CĐKDXK21D5	
17	**00689**	1710030460	Trần Thị Thu	Trang	21/02/1999	CĐQTKS21H	
18	**00690**	1710021501	Lê Huyền	Trang	09/02/1999	CĐKDXK21D4	
19	**00691**	1710030452	Lý Thanh	Tri	18/02/1999	CĐQTDN21G	
20	**00692**	1710030481	Võ Nguyễn Mai	Trinh	03/01/1999	CĐQTKS21H	
21	**00693**	1710050047	Phạm Thị Mỹ	Trinh	27/03/1999	CĐTATM21P	
22	**00694**	1710051084	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	16/03/1999	CĐTATM21K	
23	**00695**	1710030825	Dương Thảo	Trinh	10/03/1999	CĐQTDN21D	
24	**00696**	1710021497	Nguyễn Thị Tố	Trinh	16/07/1999	CĐKDXK21A4	
25	**00697**	1710020733	Lê Thị Thu	Trinh	21/10/1999	CĐKDXK21C4	
26	**00698**	1710021309	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	15/09/1999	CĐKDXK21D2	
27	**00699**	1710020846	Phan Thị	Trinh	25/11/1999	CĐKDXK21B5	
28	**00700**	1710050865	Lê Thị Mỹ	Trinh	10/04/1999	CĐTATM21F	
29	**00701**	1710030252	Phạm Thị Tú	Trinh	05/10/1999	CĐQTKS21F	
30	**00702**	1710030026	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	02/02/1999	CĐQTKS21F	
31	**00703**	1710010106	Nguyễn Lương	Trinh	15/01/1999	CĐKTDN21C	
32	**00704**	1710030188	Trương Hoàng Lan	Trinh	14/10/1999	CĐQTKS21F	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C304_THI

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00705**	1710040066	Lê Thị Thanh	Trúc	21/01/1999	CĐTCDN21B	
2	**00706**	1710051013	Đỗ Thị Xuân	Trúc	06/09/1999	CĐTATM21I	
3	**00707**	1710010034	Trần Thị Thanh	Trúc	30/10/1999	CĐKTDN21A	
4	**00708**	1710021441	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	20/02/1999	CĐKDXK21E3	
5	**00709**	1710030699	Cao Minh	Trung	04/09/1999	CĐQTDN21E	
6	**00710**	1710020758	Nguyễn Minh	Trung	20/11/1999	CĐKDXK21B6	
7	**00711**	1710021481	Đường Hoài	Tú	08/12/1999	CĐLOGT21A	
8	**00712**	1710010183	Nguyễn Minh	Tú	26/01/1999	CĐKTDN21I	
9	**00713**	1710030590	Võ Phạm Cẩm	Tú	29/12/1999	CĐMATM21H	
10	**00714**	1710050911	Trần Thanh Thủy	Tú	16/04/1999	CĐTATM21 O	
11	**00715**	1710021377	Phan Thị Cẩm	Tú	20/07/1999	CĐQTKS21I	
12	**00716**	1710030869	Trần Thị Thanh	Tú	24/08/1999	CĐQTDN21H	
13	**00717**	1710030700	Nguyễn Trung	Tứ	21/10/1999	CĐMATM21E	
14	**00718**	1710030635	Hoàng Xuân	Tự	14/05/1999	CĐQTDN21D	
15	**00719**	1710060002	Diệp Thị	Tự	08/08/1999	CĐTHQL21A	
16	**00720**	1710030220	Nguyễn Huỳnh	Tuấn	30/05/1999	CĐQTKS21B	
17	**00721**	1710030580	Đinh Quang	Tuấn	08/06/1999	CĐMATM21G	
18	**00722**	1710021301	Trần Quốc	Tuấn	09/10/1999	CĐKDXK21E4	
19	**00723**	1710010120	Trần Đào Anh	Tuấn	06/10/1999	CĐMATM21D	
20	**00724**	1710020623	Tô Anh	Tuấn	26/01/1999	CĐKDXK21D5	
21	**00725**	1710020505	Lê Nhật	Tùng	30/07/1999	CĐKDXK21D1	
22	**00726**	1710020650	Võ Thị Kim	Tuyến	10/04/1999	CĐKDXK21D2	
23	**00727**	1710030555	Cao Văn	Tuyến	16/02/1999	CĐQTDN21G	
24	**00728**	1710050861	Nguyễn Thị	Tuyền	07/01/1999	CĐTATM21 O	
25	**00729**	1710021459	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	17/06/1999	CĐKDXK21D4	
26	**00730**	1710021562	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	01/05/1999	CĐKDXK21B2	
27	**00731**	1710050264	Huỳnh Thanh	Tuyền	02/09/1999	CĐTATM21 O	
28	**00732**	1710010145	Võ Thị Mọng	Tuyền	14/06/1999	CĐKTDN21K	
29	**00733**	1710010042	Phạm Thị Thanh	Tuyền	24/08/1999	CĐKTDN21A	
30	**00734**	1710010218	Trần Nguyễn Thanh	Tuyền	03/06/1999	CĐKTDN21E	
31	**00735**	1710020710	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	30/07/1999	CĐKDXK21E3	
32	**00736**	1710021542	Lâm Bích	Tuyền	26/11/1999	CĐKDXK21B2	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C310

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00737**	1710010343	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	05/02/1998	CĐKTDN21L	
2	**00738**	1710030372	Phạm Thị Ngọc	Tuyết	19/09/1999	CĐQTDN21C	
3	**00739**	1710021469	Trần Thị Ánh	Tuyết	18/10/1999	CĐKDXK21A4	
4	**00740**	1710020642	Cao Thị Thảo	Uyên	12/02/1999	CĐKDXK21D6	
5	**00741**	1710021605	Huỳnh Thị Thảo	Uyên	03/04/1999	CĐLOGT21F	
6	**00742**	1710010132	Nguyễn Võ Khánh	Uyên	22/11/1999	CĐKTDN21K	
7	**00743**	1710010075	Nguyễn Giáng	Uyên	21/09/1999	CĐKTDN21B	
8	**00744**	1710020770	Nguyễn Huỳnh Kim	Uyên	02/05/1999	CĐKDXK21D6	
9	**00745**	1710030474	Trương Thị Lệ	Uyển	11/02/1999	CĐQTKS21H	
10	**00746**	1710031082	Lê Thị Cẩm	Vân	01/11/1999	CĐQTDN21A	
11	**00747**	1710020697	Đặng Thị Hồng	Vân	27/01/1998	CĐKDXK21B6	
12	**00748**	1710030092	Phan Thị Thúy	Vân	25/03/1999	CĐMATM21A	
13	**00749**	1710020409	Ngô Thị Tường	Vi	05/06/1999	CĐKDXK21D2	
14	**00750**	1710010233	Nguyễn Thị Kim	Vi	28/09/1999	CĐKTDN21E	
15	**00751**	1710020542	Trần Đặng Tường	Vi	17/04/1999	CĐKDXK21E3	
16	**00752**	1710051170	Trần Tường	Vi	10/07/1999	CĐTATM21 O	
17	**00753**	1710050134	Nguyễn Hoàng Anh	Vi	09/10/1999	CĐTATM21 O	
18	**00754**	1710010338	Nguyễn Trương Thanh	Vi	14/03/1999	CĐQTDN21E	
19	**00755**	1710051177	Phạm Tường	Vi	14/07/1999	CĐTATM21M	
20	**00756**	1710010368	Võ Thị Tường	Vi	27/10/1999	CĐKTDN21H	
21	**00757**	1710020350	Trần Thảo	Vi	13/10/1999	CĐKDXK21B1	
22	**00758**	1710021083	Nguyễn Văn	Vị	26/03/1999	CĐKDXK21C2	
23	**00759**	1710020550	Phạm Thị Lan	Viên	21/02/1999	CĐKDXK21E3	
24	**00760**	1710010320	Dương Thị Hoàng	Việt	26/06/1999	CĐKTDN21L	
25	**00761**	1710051129	Nguyễn Hữu	Vũ	20/02/1999	CĐTATM21 O	
26	**00762**	1710030558	Nguyễn Thanh	Vũ	17/03/1999	CĐQTDN21G	
27	**00763**	1710030268	Nguyễn Ngọc	Vũ	23/02/1998	CĐQTKS21B	
28	**00764**	1710010401	Hoàng Tiến	Vũ	11/04/1999	CĐKTDN21H	
29	**00765**	1710010305	Phan Thị Xuân	Vui	15/06/1999	CĐKTDN21G	
30	**00766**	1710050238	Nguyễn Thảo	Vy	16/07/1999	CĐTATM21E	
31	**00767**	1710030159	Đặng Thanh Nhật	Vy	19/09/1999	CĐMATM21G	
32	**00768**	1710020704	Nguyễn Nhật Thảo	Vy	25/05/1999	CĐKDXK21E3	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C402

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00769**	1710020955	Phan Thị Trúc	Vy	28/05/1999	CĐKDXK21D2	
2	**00770**	1710030060	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	23/12/1999	CĐKDXK21F	
3	**00771**	1710021628	Nguyễn Thị Lan	Vy	04/07/1999	CĐKDXK21D5	
4	**00772**	1710020647	Lê Nguyễn Phương	Vy	17/09/1999	CĐKDXK21D6	
5	**00773**	1710010137	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	10/07/1999	CĐKTDN21I	
6	**00774**	1710020376	Nguyễn Ngọc Lan	Vy	07/11/1999	CĐKDXK21B1	
7	**00775**	1710030724	Phạm Ngọc Thùy	Vy	27/04/1999	CĐQTDN21E	
8	**00776**	1710020523	Nguyễn Thị Kim	Xuân	27/01/1999	CĐKDXK21E3	
9	**00777**	1710051077	Đỗ Thị Lệ	Xuân	06/01/1998	CĐTATM21K	
10	**00778**	1710010127	Trần Thị Kim	Xuyến	07/02/1999	CĐKTDN21I	
11	**00779**	1710020678	Trần Thị Như	Ý	08/08/1999	CĐKDXK21C4	
12	**00780**	1710030084	Ngô Thị Như	Ý	01/04/1999	CĐQTDN21A	
13	**00781**	1710010325	Trần Thị Như	Ý	30/10/1999	CĐKTDN21G	
14	**00782**	1710021026	Lê Thị Như	Ý	20/06/1999	CĐKDXK21E2	
15	**00783**	1710010038	Lê Ngọc Như	Ý	01/05/1999	CĐKTDN21I	
16	**00784**	1710050894	Nguyễn Thị Xuân	Ý	23/01/1999	CĐTATM21 O	
17	**00785**	1710010068	Trần Thị Như	Ý	29/04/1999	CĐKTDN21B	
18	**00786**	1710020324	Hồ Như	Ý	30/10/1999	CĐKDXK21E3	
19	**00787**	1710030473	Trần Thị Phương	Yên	27/11/1999	CĐQTKS21D	
20	**00788**	1710020792	Huỳnh Thị Kim	Yến	26/08/1999	CĐKDXK21D6	
21	**00789**	1710030254	Đặng Thị Hoàng	Yến	29/10/1999	CĐTATM21Q	
22	**00790**	1710031073	Lê Kim	Yến	06/11/1999	CĐMATM21I	
23	**00791**	1710021115	Nguyễn Thị	Yến	30/05/1999	CĐKDXK21D2	
24	**00792**	1710020308	Hồ Thị Kim	Yến	01/01/1999	CĐKDXK21A1	
25	**00793**	1820732	Nguyễn Thị Thuý	An	07/11/2000	CĐKDXK22C3	
26	**00794**	1820167	Phạm Thị Thúy	An	15/07/2000	CĐKDXK22A4	
27	**00795**	1850068	Dương Trường	An	20/10/2000	CĐQTDN22A	
28	**00796**	1820501	Lê Thị Thúy	An	02/09/2000	CĐLOGT22C	
29	**00797**	1811611	Nguyễn Thị	An	30/08/2000	CĐKTDN22M	
30	**00798**	1820097	Đỗ Thành	An	08/03/2000	CĐKDXK22A2	
31	**00799**	1821845	Lê Thị Hồng	Ân	03/03/2000	CĐKDXK22F6	
32	**00800**	1851412	Nguyễn Ngọc Hồng	Ân	04/01/2000	CĐTATM22R	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C402_THI

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00801**	1850117	Nguyễn Hoàng	Ân	15/11/2000	CĐTATM22C	
2	**00802**	1850909	Phạm Nguyễn Thiên	Ân	25/05/2000	CĐTATM22K	
3	**00803**	1831584	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	27/04/2000	CĐMATM22N	
4	**00804**	1820150	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Anh	07/04/2000	CĐKDXK22A3	
5	**00805**	1831213	Trần Quốc	Anh	19/03/2000	CĐMATM22K	
6	**00806**	1820491	Lê Thị Kiều	Anh	10/06/2000	CĐKDXK22B4	
7	**00807**	1820801	Huỳnh Mỹ	Anh	01/01/2000	CĐKDXK22C5	
8	**00808**	1820521	Lê Thị Vân	Anh	26/08/2000	CĐKDXK22B5	
9	**00809**	1820002	Nguyễn Thị Phương	Anh	07/11/2000	CĐKDXK22A1	
10	**00810**	1811628	Phạm Thị Kim	Anh	10/04/2000	CĐKTDN22N	
11	**00811**	1821226	Trương Loan	Anh	15/05/2000	CĐLOGT22H	
12	**00812**	1821570	Trương Tuấn	Anh	28/02/1999	CĐKDXK22E6	
13	**00813**	1830997	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	14/10/2000	CĐQTKS22I	
14	**00814**	1830742	Hồ Thị Ngọc	Anh	27/07/2000	CĐTMDT22A	
15	**00815**	1820327	Phạm Thị Vân	Anh	24/04/2000	CĐKDXK22B1	
16	**00816**	1840006	Phạm Thị Phương	Anh	05/11/2000	CĐTCDN22A	
17	**00817**	1820417	Đặng Lan	Anh	04/06/2000	CĐKDXK22B3	
18	**00818**	1820743	Vũ Thị Lan	Anh	10/03/2000	CĐKDXK22C3	
19	**00819**	1830147	Nguyễn Hoàng Vân	Anh	09/10/2000	CĐTMDT22A	
20	**00820**	1830511	Dương Thị Vân	Anh	16/03/2000	CĐQTKS22E	
21	**00821**	1820577	Phan Nguyễn Lan	Anh	09/09/2000	CĐKDXK22B6	
22	**00822**	1820668	Phạm Hoàng Bảo	Anh	19/01/2000	CĐKDXK22C2	
23	**00823**	1831587	Phạm Thị Vân	Anh	03/10/2000	CĐQTKS22P	
24	**00824**	1830657	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/07/2000	CĐMATM22E	
25	**00825**	1822001	Cao Nguyễn Hoàng	Anh	18/08/2000	CĐKDXK22G2	
26	**00826**	1831585	Phạm Quế	Anh	05/04/2000	CĐQTKS22P	
27	**00827**	1821447	Đặng Châu	Anh	03/01/2000	CĐKDXK22E4	
28	**00828**	1840834	Hà Kiều	Anh	08/11/2000	CĐKDXK22D5	
29	**00829**	1821011	Trần Thị Lê	Anh	15/09/2000	CĐLOGT22F	
30	**00830**	1820938	Trần Hưng	Anh	15/08/2000	CĐKDXK22D1	
31	**00831**	1820943	Bùi Thị	Ánh	10/10/2000	CĐLOGT22E	
32	**00832**	1832030	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	24/02/2000	CĐMATM22Q	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C403

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00833**	1831373	Trần Thị Ngọc	Ánh	20/01/2000	CĐQTDN22G	
2	**00834**	1830823	Nguyễn Thị Thanh	Ánh	01/05/2000	CĐLOGT22E	
3	**00835**	1821902	Phạm Thị	Ánh	20/05/2000	CĐLOGT22G	
4	**00836**	1830204	Phú Thị Ngọc	Ánh	14/05/1999	CĐQTKS22B	
5	**00837**	1821117	Lê Ngọc	Ánh	22/06/2000	CĐLOGT22G	
6	**00838**	1810985	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	26/03/2000	CĐKTDN22H	
7	**00839**	1820105	Nguyễn Thị Hồng	Ảnh	14/02/2000	CĐKDXK22A3	
8	**00840**	1831480	Nguyễn Chí	Bảo	14/07/2000	CĐQTKS22O	
9	**00841**	1822022	Vũ Thế	Bảo	27/01/2000	CĐLOGT22N	
10	**00842**	1821984	Lê Đình Quốc	Bảo	10/12/2000	CĐLOGT22N	
11	**00843**	1830991	Nguyễn Hữu Gia	Bảo	29/03/2000	CĐMATM22H	
12	**00844**	1851401	Ngô Chí	Bảo	12/07/2000	CĐTATM22R	
13	**00845**	1821897	Trần Gia	Bảo	07/02/2000	CĐLOGT22M	
14	**00846**	1820572	Nguyễn Thị Thu	Bích	26/06/1998	CĐLOGT22C	
15	**00847**	1850133	Phạm Thị An	Bình	17/01/2000	CĐTATM22D	
16	**00848**	1820010	Huỳnh Văn	Bình	30/01/2000	CĐKDXK22A1	
17	**00849**	1811122	Hoàng Thị	Bình	04/10/2000	CĐKTDN22I	
18	**00850**	1851181	Huỳnh Lê Như	Bình	29/02/2000	CĐTATM22L	
19	**00851**	1821458	Hà Thị Hồng	Búp	06/08/2000	CĐKDXK22E5	
20	**00852**	1821124	Nguyễn Thị	Cảm	01/12/2000	CĐKDXK22D4	
21	**00853**	1820421	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	01/02/2000	CĐKDXK22B3	
22	**00854**	1831514	Hà Thiện	Căn	03/08/2000	CĐMATM22N	
23	**00855**	1830670	Nguyễn Thị Minh	Châu	21/11/2000	CĐMATM22E	
24	**00856**	1821483	Nguyễn Phạm Trân	Châu	19/10/2000	CĐLOGT22I	
25	**00857**	1820626	Trần Ngọc Bảo	Châu	31/07/2000	CĐKDXK22C1	
26	**00858**	1820808	Trà Bích	Châu	15/08/2000	CĐKDXK22C5	
27	**00859**	1820171	Ngô Minh	Châu	02/06/2000	CĐKDXK22A4	
28	**00860**	1850955	Mai Thi Mỹ	Châu	05/11/2000	CĐTATM22L	
29	**00861**	1820388	Đỗ Ngọc Minh	Châu	19/04/2000	CĐKDXK22B2	
30	**00862**	1810965	Nguyễn Thị Vân	Chi	17/08/2000	CĐKTDN22H	
31	**00863**	1820061	Trương Thị Mỹ	Chi	06/09/2000	CĐKDXK22A2	
32	**00864**	1831449	Nguyễn Thị Thu	Chi	20/04/2000	CĐQTKS22N	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C403_THI

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00865**	1830993	Nguyễn Nữ Kim	Chi	06/06/2000	CĐMATM22H	
2	**00866**	1830213	Phạm Thị Bích	Chi	18/10/2000	CĐQTDN22B	
3	**00867**	1821235	Hoàng Thị Bích	Chi	27/12/2000	CĐLOGT22H	
4	**00868**	1821907	Huỳnh Thị	Chi	09/11/2000	CĐKDXK22G1	
5	**00869**	1821549	Đoàn Thị Huế	Chi	18/09/1999	CĐKDXK22E6	
6	**00870**	1820830	Trần Thị Linh	Chi	13/10/2000	CĐKDXK22C5	
7	**00871**	1820677	Trịnh Minh	Chiến	01/01/2000	CĐLOGT22D	
8	**00872**	1831510	Hoàng Văn	Chiến	15/05/2000	CĐQTDN22H	
9	**00873**	1821063	Đào Thị Thủy	Chung	02/04/2000	CĐKDXK22D3	
10	**00874**	1821771	Nguyễn Thị Thu	Chung	08/06/2000	CĐLOGT22L	
11	**00875**	1831658	Nguyễn Hoàng	Chương	01/08/2000	CĐQTKS22P	
12	**00876**	1820127	Nguyễn Thị Hạ	Cơ	20/05/2000	CĐKDXK22A3	
13	**00877**	1831748	Lương Thành	Công	13/09/2000	CĐQTDN22K	
14	**00878**	1820205	Nguyễn Thị Kim	Cương	27/12/2000	CĐKDXK22A4	
15	**00879**	1830211	Nguyễn Quốc	Cường	05/01/2000	CĐQTDN22B	
16	**00880**	1820511	Nguyễn Chí	Cường	08/02/2000	CĐKDXK22B5	
17	**00881**	1851324	Nguyễn Minh	Đài	28/09/1999	CĐTATM22P	
18	**00882**	1831468	Võ Thị Xuân	Đài	23/09/1999	CĐQTDN22H	
19	**00883**	1821325	Huỳnh Thị Anh	Đảm	08/11/2000	CĐKDXK22E2	
20	**00884**	1831784	Nguyễn Thị Linh	Đan	19/01/2000	CĐKTDN22N	
21	**00885**	1821909	Lê Thị Bảo	Dâng	26/05/2000	CĐKDXK22G1	
22	**00886**	1820793	Lê Thành	Danh	27/07/1999	CĐKDXK22C4	
23	**00887**	1820592	Nguyễn Võ Thành	Danh	09/08/2000	CĐKDXK22B6	
24	**00888**	1830957	Nguyễn Thị Trúc	Đào	15/03/2000	CĐQTKS22I	
25	**00889**	1811296	Nguyễn Thị Anh	Đào	26/12/2000	CĐKTDN22K	
26	**00890**	1850054	Trương Thị	Đào	10/11/2000	CĐTATM22B	
27	**00891**	1830838	Nguyễn Thị Huỳnh	Đào	24/02/2000	CĐQTDN22E	
28	**00892**	1830729	Trần Tiến	Đạt	14/08/2000	CĐTMDT22A	
29	**00893**	1821398	Lê Thành	Đạt	19/10/2000	CĐKDXK22E3	
30	**00894**	1820712	Huỳnh Lê Thành	Đạt	21/04/2000	CĐKDXK22C3	
31	**00895**	1850156	Nguyễn Thị Bé	Đẹp	31/08/2000	CĐTATM22D	
32	**00896**	1810868	Nguyễn Ngọc Thảo	Di	19/03/2000	CĐKTDN22G	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C502

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00897**	1831532	Hồ Hà Ái	Diễm	03/12/2000	CĐMATM22N	
2	**00898**	1831657	Lê Thị Phương	Diễm	12/10/2000	CĐMATM22O	
3	**00899**	1850784	Trần Kiều	Diễm	12/12/2000	CĐTATM22H	
4	**00900**	1820649	Phạm Thị Ngọc	Diễm	26/09/2000	CĐKDXK22C2	
5	**00901**	1850752	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	04/02/2000	CĐTATM22G	
6	**00902**	1820175	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	25/08/2000	CĐKDXK22A4	
7	**00903**	1820287	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	14/02/2000	CĐKDXK22A6	
8	**00904**	1850138	Lê Thị Thúy	Diễm	22/05/2000	CĐTATM22D	
9	**00905**	1810967	Nguyễn Mai	Diễm	11/03/2000	CĐKTDN22H	
10	**00906**	1820335	Phạm Thị Kiều	Diễm	28/11/2000	CĐKDXK22B1	
11	**00907**	1831461	Nguyễn Thị Xuân	Diễm	12/03/2000	CĐQTKS22O	
12	**00908**	1821721	Phan Thị	Diễm	27/08/2000	CĐKDXK22F3	
13	**00909**	1820689	Nguyễn Lê Phượng	Diễm	18/07/2000	CĐKDXK22C2	
14	**00910**	1820473	Nguyễn Kiều	Diễm	24/08/2000	CĐKDXK22B4	
15	**00911**	1820950	Võ Thị Xuân	Diễm	15/01/2000	CĐKDXK22D1	
16	**00912**	1811483	Nhữ Thị Ngọc	Diễm	21/10/2000	CĐKTDN22M	
17	**00913**	1832024	Nguyễn Thị	Điểm	12/12/2000	CĐQTKS22D	
18	**00914**	1831601	Nguyễn Thị	Diệp	10/11/2000	CĐMATM22N	
19	**00915**	1831058	Phạm Thị Ngọc	Điệp	22/10/2000	CĐQTDN22F	
20	**00916**	1830802	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	17/04/2000	CĐMATM22F	
21	**00917**	1831941	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	10/03/2000	CĐQTKS22R	
22	**00918**	1820654	Nguyễn Thị Hồng	Diệu	05/10/2000	CĐKDXK22C2	
23	**00919**	1820353	Châu Thị Kim	Diệu	27/04/2000	CĐKDXK22B2	
24	**00920**	1821550	Chế Thị Mỹ	Diệu	25/01/2000	CĐLOGT22K	
25	**00921**	1821388	Bùi Thị Mỹ	Diệu	16/10/2000	CĐKDXK22E3	
26	**00922**	1831507	Trần Thị An	Đình	24/06/2000	CĐTMDT22C	
27	**00923**	1821496	Đặng Thị	Dịu	08/08/2000	CĐKDXK22E5	
28	**00924**	1822050	Hòa Thị Thu	Dịu	10/01/2000	CĐKDXK22G2	
29	**00925**	1821934	Nguyễn Thị	Doanh	28/08/2000	CĐLOGT22M	
30	**00926**	1850178	Trần Thị Minh	Đông	23/11/2000	CĐKDXK22B5	
31	**00927**	1851300	Tô Văn	Đông	20/03/2000	CĐTATM22O	
32	**00928**	1850027	Lê Ngọc	Đồng	29/01/1999	CĐTATM22A	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH KIỂM TRA TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
ĐỢT 2 _ NĂM HỌC 2020 - 2021_CƠ SỞ C

Ngày thi: 08/11/2020 **Giờ thi:** *13g00 _ THI VIẾT*
14g30_THI NGHE

Phòng thi: C502_THI

Danh sách thi được sắp xếp theo KHÓAvà thứ tự ABC

STT	SBD	MÃ SV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	LỚP	GHI CHÚ
1	**00929**	1821626	Lê Huỳnh	Đức	02/02/2000	CĐKDXK22F1	
2	**00930**	1830472	Võ Thị Mỹ	Dung	10/05/2000	CĐMATM22D	
3	**00931**	1821329	Võ Thị Bích	Dung	31/07/2000	CĐKDXK22E2	
4	**00932**	1821754	Phạm Thị Hoàng	Dung	24/07/2000	CĐKDXK22F4	
5	**00933**	1811624	Đặng Thị Thuỳ	Dung	08/10/2000	CĐKTDN22N	
6	**00934**	1821828	Nguyễn Thị Thu	Dung	25/05/2000	CĐKDXK22F5	
7	**00935**	1841466	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	18/12/2000	CĐTCDN22B	
8	**00936**	1830522	Dương Thị Ngọc	Dung	02/01/2000	CĐQTDN22D	
9	**00937**	1831133	Huỳnh Thị Mỹ	Dung	16/02/2000	CĐQTKS22L	
10	**00938**	1820482	Hồ Thị Ngọc	Dung	22/11/2000	CĐKDXK22B4	
11	**00939**	1820620	Ngô Thị Kim	Dung	29/03/2000	CĐKDXK22I	
12	**00940**	1830701	Nguyễn Tấn	Dũng	27/05/2000	CĐTMDT22A	
13	**00941**	1820811	Trần Tiến	Dũng	27/04/2000	CĐLOGT22E	
14	**00942**	1820576	Lê Thị Thùy	Dương	19/08/2000	CĐKDXK22B6	
15	**00943**	1821448	Nguyễn Thị Mỹ	Dương	16/05/2000	CĐKDXK22E4	
16	**00944**	1821096	Mai Thị Thùy	Dương	09/11/2000	CĐLOGT22G	
17	**00945**	1820350	Hoàng Đức	Dương	05/07/2000	CĐKDXK22B2	
18	**00946**	1850766	Lê Thị Thuỳ	Dương	09/09/2000	CĐTATM22H	
19	**00947**	1850144	Nguyễn Thùy	Dương	01/01/2000	CĐTATM22D	
20	**00948**	1820091	Huỳnh Anh	Dương	12/03/2000	CĐLOGT22A	
21	**00949**	1810287	Cao Thị Thùy	Dương	01/12/2000	CĐKTDN22C	
22	**00950**	1830146	Lê Thị Thuỳ	Dương	02/03/2000	CĐMATM22A	
23	**00951**	1821946	Trần Nhật	Duy	27/07/2000	CĐLOGT22M	
24	**00952**	1861827	Nguyễn Duy	Duy	10/10/2000	CĐTHQL22A	
25	**00953**	1820772	Nguyễn Phúc An	Duyên	01/01/2000	CĐKDXK22C4	
26	**00954**	1831419	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Duyên	21/01/2000	CĐQTKS22N	
27	**00955**	1830487	Trần Thị Mỹ	Duyên	23/02/2000	CĐQTKS22E	
28	**00956**	1830150	Mai Thị Trúc	Duyên	11/03/2000	CĐMATM22B	
29	**00957**	1811608	Phạm Thị Kim	Duyên	08/09/2000	CĐKTDN22M	
30	**00958**	1820402	Lê Thị Mỹ	Duyên	08/05/2000	CĐKDXK22B3	
31	**00959**	1831702	Trịnh Thị	Duyên	02/10/2000	CĐTMDT22C	
32	**00960**	1831553	Thái Thị Ngọc	Duyên	18/08/2000	CĐMATM22N	

Tổng cộng trong danh sách gồm có: **32** sinh viên.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 11 năm 2020
TL. HIỆU TRƯỞNG
Trưởng Phòng Khảo thí và ĐBCL

Đã ký
Th.S Nguyễn Thị Hằng